

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/KDTM-ST

Ngày: 20 - 12 - 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa*”

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thanh Minh  
2. Bà Cao Thị Mận

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST- KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST- KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Công ty D

Địa chỉ trụ sở: Đường 9, Khu công nghiệp B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai:* Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1965; Nơi cư trú: 510/32A, Khu phố 3, phường Q, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Chức vụ: Giám đốc (là người đại diện theo pháp luật)

*- Bị đơn:* Công ty M

Địa chỉ trụ sở: Khu 3B Khu liên hợp Công Nông nghiệp Đ, Ấp 4, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Khu du lịch B, Khu phố 4, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Chăn nuôi bò và Chế biến sữa Đồng Nai:* Ông Vũ Như Y – sinh năm 1981; Nơi cư trú: 12/1/30, Khu phố 9, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Chức vụ: Phó Giám đốc (Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2022)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty D do ông Nguyễn Văn T đại diện trình bày:

Từ ngày 01/02/2016 đến ngày 20/4/2016, Công ty D đã ký kết hợp đồng bán hàng hóa cho Công ty M, cụ thể gồm 02 hợp đồng sau:

- **Hợp đồng thứ nhất:** Hợp đồng mua bán số 13/2016/MB ngày 01/02/2016. Loại hàng bán là tro trấu, số lượng 2.000 tấn, thành tiền là 860.000.000 đồng. Phương thức thanh toán là thanh toán theo từng đợt giao hàng trong vòng 45 ngày, kể từ ngày xuất hóa đơn. Đối với hợp đồng này Công ty D đã giao hàng xuất hóa đơn số 0000144 ngày 30/6/2016, số tiền bán hàng là 368.626.100 đồng. Ngày phải thanh toán là ngày 14/8/2016.

Từ ngày 14/8/2016 cho đến nay, Công ty M chưa thanh toán đồng nào đối với với khoản tiền mua hàng theo hợp đồng số 13 của Công ty D.

- **Hợp đồng thứ hai:** Hợp đồng mua bán số 29/2016/MB ngày 20/4/2016. Loại hàng bán là vật liệu xây dựng, thành tiền là 1.223.749.560 đồng. Phương thức thanh toán là thanh toán theo từng đợt giao hàng trong vòng 45 ngày, kể từ ngày xuất hóa đơn. Đối với hợp đồng này Công ty D đã giao hàng và xuất hóa đơn số 00000076 ngày 06/5/2016, số tiền bán hàng là 1.223.749.560 đồng. Ngày phải thanh toán là ngày 19/6/2016.

Từ ngày hết hạn thanh toán là ngày 19/6/2016 đến ngày 27/9/2016, Công ty M mới bắt đầu thanh toán cho Công ty D với số tiền cụ thể các đợt thanh toán như sau:

- Ngày 27/9/2016, thanh toán 188.939.144 đồng.
- Ngày 12/12/2016, thanh toán 50.000.000 đồng
- Ngày 20/12/2016, thanh toán 50.000.000 đồng
- Ngày 29/12/2016, thanh toán 50.000.000 đồng
- Ngày 27/3/2017, thanh toán 20.000.000 đồng
- Ngày 15/8/2017, thanh toán 30.000.000 đồng
- Ngày 31/10/2017, thanh toán 50.000.000 đồng
- Ngày 24/11/2017, thanh toán 50.000.000 đồng
- Ngày 18/9/2018, thanh toán 100.000.000 đồng
- Ngày 28/12/2018, thanh toán 60.000.000 đồng
- Ngày 27/12/2019, thanh toán 50.000.000 đồng

Tổng số tiền thanh toán là 698.939.144 đồng.

Số tiền mua hàng Công ty M còn nợ theo hợp đồng số 13/2016/MB ngày 01/02/2016 là 368.626.100 đồng. Số tiền mua hàng Công ty M còn nợ theo hợp đồng số 29/2016/MB ngày 20/4/2016 là 524.810.416 đồng.

Nay, Công ty D yêu cầu Công ty M phải trả số tiền mua hàng còn lại chưa thanh toán của hai hợp đồng nêu trên và tính lãi chậm thanh toán với mức 10%/năm theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Công ty D không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán theo Luật thương mại là xem như đã giảm một phần lãi cho phía bị đơn. Cụ thể, Công ty D yêu cầu Công ty Cổ phần M phải thanh toán tiền nợ gốc là 893.436.516 đồng và tiền lãi do chậm thanh

toán tính đến ngày 20/12/2022 là 662.380.501 đồng, tổng cộng là 1.592.375.660 đồng.

- *Bị đơn là Công ty M do ông Vũ Như Y đại diện trình bày:* Công ty M thống nhất với lời trình bày của đại diện Công ty D về hợp đồng mua bán giữa hai bên và số tiền mua hàng mà Công ty M còn nợ lại Công ty D.

Cụ thể 02 hợp đồng mua bán như sau:

- **Hợp đồng thứ nhất:** Hợp đồng mua bán số 13/2016/MB ngày 01/02/2016. Loại hàng bán là tro trấu, số lượng 2.000 tấn, thành tiền là 860.000.000 đồng. Phương thức thanh toán là thanh toán theo từng đợt giao hàng trong vòng 45 ngày, kể từ ngày xuất hóa đơn. Đối với hợp đồng này Công ty D đã giao hàng xuất hóa đơn số 0000144 ngày 30/6/2016, số tiền bán hàng là 368.626.100 đồng. Ngày phải thanh toán là ngày 14/8/2016.

Từ ngày 14/8/2016 cho đến nay, Công ty M chưa thanh toán đồng nào đối với với khoản tiền mua hàng theo hợp đồng số 13 của Công ty D.

- **Hợp đồng thứ hai:** Hợp đồng mua bán số 29/2016/MB ngày 20/4/2016. Loại hàng bán là vật liệu xây dựng, thành tiền là 1.223.749.560 đồng. Phương thức thanh toán là thanh toán theo từng đợt giao hàng trong vòng 45 ngày, kể từ ngày xuất hóa đơn. Đối với hợp đồng này Công ty D đã giao hàng và xuất hóa đơn số 00000076 ngày 06/5/2016, số tiền bán hàng là 1.223.749.560 đồng. Ngày phải thanh toán là ngày 19/6/2016.

Từ ngày hết hạn thanh toán là ngày 19/6/2016 đến ngày 27/9/2016, Công ty M mới bắt đầu thanh toán cho Công ty D với số tiền cụ thể các đợt thanh toán như sau:

- Ngày 27/9/2016, thanh toán 188.939.144 đồng.
  - Ngày 12/12/2016, thanh toán 50.000.000 đồng
  - Ngày 20/12/2016, thanh toán 50.000.000 đồng
  - Ngày 29/12/2016, thanh toán 50.000.000 đồng
  - Ngày 27/3/2017, thanh toán 20.000.000 đồng
  - Ngày 15/8/2017, thanh toán 30.000.000 đồng
  - Ngày 31/10/2017, thanh toán 50.000.000 đồng
  - Ngày 24/11/2017, thanh toán 50.000.000 đồng
  - Ngày 18/9/2018, thanh toán 100.000.000 đồng
  - Ngày 28/12/2018, thanh toán 60.000.000 đồng
  - Ngày 27/12/2019, thanh toán 50.000.000 đồng
- Tổng số tiền thanh toán là 698.939.144 đồng.

Công ty M xác nhận còn nợ tiền mua hàng của Công ty D như sau: Số tiền còn nợ theo hợp đồng số 13/2016/MB ngày 01/02/2016 là 368.626.100 đồng, số tiền còn nợ theo hợp đồng số 29/2016/MB ngày 20/4/2016 là 524.810.416 đồng, tổng cộng là 893.436.516 đồng. Nay, Công ty M xin được trả dần số nợ gốc và đề nghị Công ty D thông cảm không tính lãi chậm thanh toán, bởi vì Công ty M thời gian vừa qua gặp khó khăn về tài chính do không thu hồi được công nợ và bị ảnh hưởng bởi tình hình dịch covid – 19.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về cơ bản, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty D, tuyên buộc Công ty M phải trả cho Công ty D số tiền mua hàng còn nợ chưa thanh toán là 893.436.516 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán với mức 10%/năm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tiền mua hàng chưa thanh toán: Công ty M xác nhận còn nợ tiền mua hàng của Công ty D như sau: Số tiền mua hàng còn nợ theo hợp đồng số 13/2016/MB ngày 01/02/2016 là 368.626.100 đồng; số tiền mua hàng còn nợ theo hợp đồng số 29/2016/MB ngày 20/4/2016 là 524.810.416 đồng, tổng cộng là 893.436.516 đồng. Công ty M và Công ty D trình bày thống nhất số tiền mua hàng mà Công ty M chưa thanh toán cho Công ty D là 893.436.516 đồng, nên buộc Công ty M phải thanh toán cho Công ty D số tiền này.

[2] Về tiền lãi do chậm thanh toán tiền mua hàng: Hợp đồng mua bán số 13/2016/MB ngày 01/02/2016, ngày phải thanh toán là ngày 14/8/2016, đến nay chưa thanh toán khoản nào. Hợp đồng mua bán số 29/2016/MB ngày 20/4/2016, ngày phải thanh toán là ngày 19/6/2016, tổng số tiền thanh toán theo từng đợt là 698.939.144 đồng, số tiền còn nợ lại là 524.810.416 đồng đến nay chưa thanh toán. Vì vậy, Công ty M phải trả lãi trên số tiền chưa thanh toán theo Điều 306 Luật thương mại. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính mức lãi chậm thanh toán là 10%/năm theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, mà không yêu cầu mức lãi suất do chậm thanh toán theo Điều 306 của Luật thương mại. Xét mức lãi suất nợ quá hạn hiện nay theo thị trường là cao hơn mức 10%/năm theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính mức lãi suất 10%/năm, nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu về tính lãi của khoản tiền mua hàng mà bị đơn chậm thanh toán cho nguyên đơn.

- Hợp đồng mua bán số 13/2016/MB ngày 01/02/2016, số tiền chậm thanh toán là 368.626.100 đồng, thời gian chậm thanh toán từ ngày 15/8/2016 đến ngày 20/12/2022 là 2.318 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 234.102.822 đồng (368.626.100 đồng x 10%/năm x 2.319 ngày/365) .

- Hợp đồng mua bán số 29/2016/MB ngày 20/4/2016, tiền mua hàng phải thanh toán là 1.223.749.560 đồng, ngày phải thanh toán là ngày 19/6/2016, ngày chậm thanh toán tính từ ngày 20/6/2016. Đối với hợp đồng này, Công ty M đã thanh toán dần cho Công ty D 11 đợt với tổng số tiền thanh toán là 698.939.144 đồng. Cụ thể, tiền lãi do chậm thanh toán trên số tiền còn nợ tại từng thời điểm được tính như sau:

+ Ngày 27/9/2016, thanh toán 188.939.144 đồng, còn nợ lại 1.034.810.416 đồng; thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 20/6/2016 đến ngày 27/9/2016 là

99 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 33.192.111 đồng ( $1.034.810.416 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 99 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}$ ).

+ Ngày 12/12/2016, thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ lại 948.810.416 đồng; thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 28/9/2016 đến ngày 12/12/2016 là 76 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 21.546.737 đồng ( $948.810.416 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 76 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}$ ).

+ Ngày 20/12/2016, thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ lại 934.810.416 đồng; thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 13/12/2016 đến ngày 20/12/2016 là 08 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 2.158.489 đồng ( $934.810.416 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 8 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}$ ).

+ Ngày 29/12/2016, thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ lại 884.810.416 đồng; thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 21/12/2016 đến ngày 29/12/2016 là 09 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 2.305.012 đồng ( $884.810.416 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 9 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}$ ).

+ Ngày 27/3/2017, thanh toán 20.000.000 đồng, còn nợ lại 864.810.416 đồng; thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 30/12/2016 đến ngày 27/3/2017 là 88 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 21.332.416 đồng ( $864.810.416 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 88 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}$ ).

+ Ngày 15/8/2017, thanh toán 30.000.000 đồng, còn nợ lại 834.810.416 đồng; thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 28/3/2017 đến ngày 15/8/2017 là 141 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 33.407.745 đồng ( $834.810.416 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 141 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}$ ).

+ Ngày 31/10/2017, thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ lại 784.810.416 đồng; thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 16/8/2017 đến ngày 31/10/2017 là 77 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 17.611.069 đồng ( $784.810.416 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 77 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}$ ).

+ Ngày 24/11/2017, thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ lại 734.810.416 đồng; thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 01/11/2017 đến ngày 24/11/2017 là 24 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 5.160.397 đồng ( $734.810.416 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 24 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}$ ).

+ Ngày 18/9/2018, thanh toán 1.000.000.000 đồng, còn nợ lại 634.810.416 đồng; thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 25/11/2017 đến ngày 18/9/2018 là 298 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 59.992.741 đồng ( $634.810.416 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 298 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}$ ).

+ Ngày 28/12/2018, thanh toán 60.000.000 đồng, còn nợ lại 574.810.416 đồng; thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 19/9/2018 đến ngày 28/12/2018 là 101 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 17.565.987 đồng ( $574.810.416 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 101 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}$ ).

+ Ngày 27/12/2019, thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ lại 524.810.416 đồng; thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 29/12/2018 đến ngày 27/12/2019 là 364 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 57.323.559 đồng ( $524.810.416 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 364 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}$ ).

+ Ngày 27/12/2019, thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ lại 524.810.416 đồng; thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 29/12/2018 đến ngày 27/12/2019

là 364 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 57.323.559 đồng (524.810.416 đồng x 10%/năm x 364 ngày/365 ngày).

+ Số tiền còn nợ lại 524.810.416 đồng, thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 28/12/2019 đến ngày 20/12/2022 là 1.089 ngày, tiền lãi chậm thanh toán là 156.580.423 đồng (524.810.416 đồng x 10%/năm x 364 ngày/365 ngày).

Tổng số tiền lãi do chậm thanh toán của Hợp đồng mua bán số 29/2016/MB ngày 20/4/2016 là 428.176.686 đồng. Tiền lãi do chậm thanh toán Hợp đồng mua bán số 13/2016/MB ngày 01/02/2016 là 234.102.822 đồng. Do vậy, buộc Công ty M phải thanh toán tổng số tiền lãi do chậm thanh toán cho Công ty D là 662.279.508 đồng.

[3] Công ty M phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D tiền mua hàng còn nợ là 893.436.516 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 20/12/2022 là 662.279.508 đồng, tổng cộng là 1.592.375.660 đồng.

[4] Về án phí: Công ty M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty D là 59.771.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Công ty D được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại; Các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty M phải có nghĩa vụ trả cho Công ty D số tiền 1.592.375.660 đồng (*một tỷ năm trăm chín mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty D, thì buộc Công ty M phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Công ty M phải nộp 59.771.000 đồng (*năm mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.500.000 đồng (*hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006504 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Nguyệt**